

NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG

VỊ TRÍ CỦA TỪ LÁY ÂM TRONG THƠ TÌNH XUÂN DIỆU

TS NGUYỄN KHẮC HUẤN
ĐẶNG THỊ LÀNH
(Đại học Đà Lạt)

1. Đặt vấn đề

Từ láy âm thuộc loại đơn vị ngôn ngữ đặc thù của tiếng Việt. Không giống với những loại từ ngữ khác, từ láy âm hiện diện, không chỉ nhằm phục vụ mục đích giao tiếp đơn thuần. Nét nổi bật của loại đơn vị này là khả năng gợi hình, gợi cảm của chúng. Bởi vậy, đây chính là loại chất liệu điển hình của văn học nghệ thuật trong tiếng Việt, mà đặc biệt là đối với thơ ca.

Truyền thống văn học nước nhà đã từng minh chứng điều đó. Các thi sĩ lớn của dân tộc đều là những bậc thầy trong việc sử dụng và khai thác loại chất liệu này, để phục vụ cho sự nghiệp văn học của mình. Tiêu biểu là các tác gia, như Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, ... và tiếp theo là các nhà thơ mới, như Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử v.v.

Để thấy rõ tính đặc thù của *từ láy âm* - một chất liệu của văn học nghệ thuật, chúng tôi sẽ đi vào khảo sát và tìm hiểu giá trị của loại đơn vị này qua một tác phẩm thi ca của *nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới*, đó là tập thơ tình của thi sĩ Xuân Diệu.

Trong phạm vi bài báo này, chúng tôi chỉ giới thiệu tới độc giả hai tiểu loại từ láy âm tiêu biểu, được sử dụng trong tác phẩm, đó là tiểu loại *từ láy âm hoàn toàn* và tiểu loại *từ láy điệp âm*.

Theo quan niệm phổ biến hiện nay thì *từ láy âm* là những từ được cấu tạo gồm hai tiếng (âm tiết) trở lên (phần lớn là hai tiếng) và giữa các tiếng có quan hệ về mặt âm thanh với nhau, trong đó ít nhất có một tiếng mất nghĩa từ vựng.

Ví dụ: *vui vẻ, xinh xắn, đẹp đẽ, khỏe khoắn, lạnh lùng, phát phơ, ...*

Xét về mặt cấu tạo, từ láy âm được phân chia thành: *từ láy đôi* và *từ láy ba, láy tư* (xốp xốp - xốp xồm xốp, tí ti - tí tí tí ti, đùng đĩnh - đùng đa đùng đĩnh, ...).

Xét về điểm lặp, từ láy đôi lại được phân thành các kiểu loại: *từ lặp toàn phần* và *từ lặp bộ phận*, trong từ lặp bộ phận, căn cứ vào điểm lặp cụ thể, lại có *từ điệp âm* (lặp phụ âm đầu), *từ điệp vận* (lặp phần vần).

Căn cứ trên phương diện từ loại, ta lại có các tiểu loại: *từ láy âm danh từ*, *từ láy âm tính từ*, *từ láy âm động từ*, *từ láy âm phụ từ*, ...

2. Một vài nhận xét chung về việc sử dụng từ láy âm trong tập thơ tình Xuân Diệu

2.1. *Từ láy âm* được sử dụng trong tập thơ tình Xuân Diệu, chủ yếu là từ láy đôi. Từ láy ba, láy tư không thấy xuất hiện. Ở từ láy đôi thì kiểu láy điệp âm chiếm tỉ lệ áp đảo, tiếp theo là từ láy hoàn toàn và từ láy điệp vận.

Trong 264 từ láy âm được nhà thơ sử dụng trong tác phẩm, thì có tới 403 lần xuất

hiện. Như vậy có nghĩa là một từ có thể xuất hiện nhiều lần và điều đáng để ý là mỗi lần xuất hiện chúng lại mang một ý nghĩa khác nhau, tùy thuộc vào ngữ cảnh mà nhà thơ sử dụng.

Có nhiều câu thơ thấy xuất hiện từ 2 từ lấy âm trở lên trong một dòng thơ. Chẳng hạn:

Con đường nhỏ nhỏ gió xiêu xiêu (Thơ duyên)

Long lanh tiếng sỏi vang vang hận (Nguyệt cầm)

Nghe xôn xao rộn rợn đến hay hay (Xuân không mùa)

Sự chênh lệch giữa số lượng và tần số xuất hiện của từ lấy, cho thấy Xuân Diệu là người rất ưa dùng loại chất liệu này và biết dùng chúng một cách rất riêng, mang đầy tính sáng tạo, như những từ: *lững đững, mơ màng, sồn sồn, son sẻ, ...* Điều này còn chứng tỏ ông không chỉ là người nghệ sĩ có vốn từ lấy phong phú mà còn biết cách khai thác chúng một cách tài tình. Qua những từ lấy âm ấy, ông đã *ky cóp* nên nhiều sự việc cùng lời ăn tiếng nói độc đáo, sinh động của cuộc sống để đưa vào thơ ca. “Một số bài thơ đã vọt ra trực tiếp từ cái vốn tươi rói, nóng hổi ấy mang theo cả cái bộn bề ứ tràn của cuộc sống” [16; 62].

2.2. Trong tập thơ tình Xuân Diệu, không thấy hiện tượng dùng dạng tách xen từ lấy âm. Điều này được lí giải bởi tính cách của nhà thơ, một con người ham yêu, khát sống, luôn cuống quýt như ông thì cần phải *vội vàng, vội vã* trước thời gian chảy trôi không ngừng. Ông không muốn có sự *xa cách* hay *trắc trở* nào trong cuộc sống. Chính quan niệm này đã được ông mang vào trong từng trang viết của mình. Dạng tách xen của từ lấy có lẽ là không thể hiện được đầy đủ tâm trạng của nhà thơ chăng.

Xuân Diệu đã đặt từ lấy âm vào những vị trí thích hợp để làm tăng giá trị nghệ thuật

và giá trị biểu cảm cho lời thơ. Chẳng hạn: *Phát phơ* hồn của bông hường,

Trong hơi phiêu bạt còn vương máu hồng. (*Chiều*)

Thêm *phát phơ* cho hơi thở vừa hiền;

Chỉ là trắng nhưng tôi thấy thần tiên (*Chỉ ở lòng ta*)

Hay: Và trong gió *phát phơ* đi có bạn ... (*Đa tình*)

Từ lấy âm xuất hiện trong thơ tình Xuân Diệu chủ yếu thuộc loại tính từ và loại động từ. Sự có mặt của từ lấy âm là phụ từ và danh từ là không đáng kể.

Theo số liệu đã thống kê, có 4 từ lấy âm thuộc từ loại danh từ: *nơi nơi, chiến chiến, bướm bướm, ai ai*; và 5 từ lấy âm thuộc từ loại phụ từ: *sắp sửa, thỉnh thoảng, mãi mãi, luôn luôn, lăm lăm*.

Bởi vậy, từ lấy âm là động từ và tính từ trong tác phẩm là đối tượng quan tâm chủ yếu của chúng tôi. Và cũng chính những từ lấy âm thuộc hai loại này đã phản ánh được phần nào cái “nguồn sống dào dạt chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này. Xuân Diệu đắm say tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, sống cuống quýt, muốn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình. Khi vui cũng như khi buồn người đều nồng nàn tha thiết” [3; 117].

2.3. Trong quá trình khảo sát tập thơ, chúng tôi cũng nhận thấy Xuân Diệu sử dụng khá nhiều lần một số từ như: *tâm tưởng, tưởng tượng, tịch mịch, triền miên, tương tư, tơ tưởng, mơ mộng, huy hoàng, tình tự, ân ái, ái ân, là lựa, nguy nga*. Có thể trong số này có những từ chưa hẳn là từ lấy thực sự, nhưng nhận thấy chúng có hình thức lấy nên chúng tôi vẫn xếp vào loại từ lấy, để tiện cho việc khảo sát.

Các số liệu cụ thể về *từ lấy âm* xuất hiện trong tập thơ tình Xuân Diệu được thể hiện trong các bảng thống kê sau:

Bảng 1: Số lượng từ láy âm xuất hiện trong tác phẩm

CÁC KIỂU LÁY	SỐ LƯỢNG TỪ	TỈ LỆ
Hoàn toàn	60	22,7 %
Điệp vận	43	16,3 %
Điệp âm	161	61,0 %
Tổng số	264	100 %

Bảng 2: Tần số xuất hiện của từ láy âm trong tác phẩm

CÁC KIỂU LÁY	TẦN SỐ XUẤT HIỆN	TỈ LỆ
Hoàn toàn	91	22,1 %
Điệp vận	66	16 %
Điệp âm	255	61,9 %
Tổng số	412	100 %

Sau đây, chúng tôi sẽ đi vào các kiểu loại cụ thể:

3. Từ láy âm hoàn toàn

Từ láy âm hoàn toàn có tần số xuất hiện thấp hơn *từ điệp âm* nhưng cao hơn *từ điệp vận*. Số lượng và tần số xuất hiện của từ láy hoàn toàn là chênh lệch nhau (60/91). Điều này cho thấy có nhiều từ láy hoàn toàn được tác giả sử dụng lại nhiều lần trong tác phẩm. Chẳng hạn: **nhẹ nhẹ** (03 lần), **hiu hiu** (04 lần), trong các câu thơ:

Bằng mây *nhẹ nhẹ* gió *hiu hiu* (Vĩ sao)

Tôi với người yêu qua *nhẹ nhẹ* (Trăng)

Ấy những cánh chuyên trong lòng *nhẹ nhẹ* (Xuân không mùa)

Không khóc nhưng mà buồn *hiu hiu* (Nhị hỏ)

Lòng không sao cả *hiu hiu* khẽ buồn (Chiều)

Hương *hiu hiu* nên gió cũng ngạt ngào (Hoa đêm)

Về cấu tạo, đa số từ láy âm hoàn toàn, được tác giả sử dụng là những từ điệp toàn bộ âm tiết: *bằng bằng, chậm chậm, dài dài, êm êm, gấp gấp, hiu hiu, nơi nơi, lá lá*; có một số từ biến thanh: *liều liệu, lòng lộng, mon môn, ngoan ngoan, nhẹ nhẹ, nho nhỏ*,

phơi phơi, ròn rợn, hiển hiển, hây hây, dầm dầm, sờ sờ, thoang thoang, vắng vắng ... Cũng bắt gặp cả từ biến vận: *vấn vít* và loại vừa biến thanh vừa biến vận: *bàng bạc*.

Xét trên phương diện từ loại, từ láy hoàn toàn trong thơ tình Xuân Diệu chủ yếu thuộc loại tính từ, sau đó là động từ rồi đến danh từ và sau cùng là phụ từ.

Sau đây sẽ đi vào từng tiểu loại một:

3.1. Từ láy hoàn toàn là danh từ

Từ láy hoàn toàn là danh từ được Xuân Diệu sử dụng trong tác phẩm không nhiều.

Chẳng hạn: Sao mà *bươm bươm* cứ đùa bay (Đơn sơ)

Anh thấy ai ai cũng vội vàng (Đứng chờ em)

Thu đến nơi nơi động tiếng huyền (Thơ duyên)

Vâng! Thu đến nơi nơi động tiếng huyền. Lòng yêu cuộc sống, kéo dài mãi tuổi trẻ cùng những năm tháng yêu đương chính là thời gian của sự sống. Dưới con mắt của một nhà thơ đa tình thì thiên nhiên thật đẹp, bốn mùa xanh tươi. Xuân, hạ, thu, đông đều bật lên một vẻ đẹp rất riêng, rất tình nhưng với mùa thu, mùa đẹp nhất trong năm đã làm xao xuyến biết bao lòng người trước cảnh thu, tình thu: “Thu không phải là mùa thu sâu. Đây chính là mùa thu yêu, mùa yêu nhau bằng những linh hồn, mùa những linh hồn yêu mến nhau ... Trời muốn lạnh nên người ta cần nhau hơn. Và người nào chỉ có một thân, thì cần một người khác. Xuân vì người ta ấm mà cần tình. Thu vì lạnh sắp đến mà người ta cần có đôi, cho nên không gian đầy những lời nhớ nhung, những linh hồn cô đơn thả ra những tiếng thở dài để gọi nhau.” (Xuân Diệu - Thu).

3.2. Từ láy hoàn toàn là động từ

Từ láy hoàn toàn thuộc từ loại động từ trong tác phẩm gồm một số từ như: *liều liệu*,

rung rung, vắn vút, tan tành, rạo rực, chấp chới, chớp chớp ...

Chẳng hạn, trong một số câu thơ:

Đề giục tiếng chim của niềm *rạo rực*
(*Chỉ ở lòng ta*)

Sắc đào như thể *rung rung* (*Hoa anh ơ*)

Và câu thơ: Và tình ái là sợi dây *vắn vút*
(*Yêu*)

Vắn vút nghĩa là xoắn lại với nhau. Ở đây tác giả dùng động từ mang nghĩa xoắn xít này để diễn tả tình yêu, tuổi trẻ đầy đam say. Ái tình ấy như một sợi dây buộc chặt Xuân Diệu vào đời, vào thơ. Ta đã gặp từ *vắn vút* này trong Truyện Kiều của đại thi hào Nguyễn Du: *Chín hồi vắn vút như vảy mối tơ*.

Cái *vội vàng*, cuồng quýt của Xuân Diệu bắt nguồn sâu xa từ ý thức về thời gian, về sự ngắn ngủi của kiếp người, về cái chết như là một kết cục không tránh khỏi. Được sống là cả một hạnh phúc lớn. Mà sống là phải tận hưởng, hiến dâng. Vì vậy, tác giả luôn giục đã sống, bởi nếu thời gian qua đi, dung nhan sẽ đổi thay, sắc đẹp dần mất đi, tàn phai theo năm tháng.

Vừa xịch gối chẵn, mộng vàng tan biến;

Dung nhan xê động, sắc đẹp *tan tành*,
(*Giục già*)

Với việc sử dụng từ láy âm hoàn toàn thuộc loại động từ này, Xuân Diệu đã rất thành công trong việc miêu tả hành động, trạng thái, từ trạng thái *vắn vút* đến *liều liệu*, *rung rung*, giúp người đọc cảm nhận được những cung bậc tình cảm đa dạng, nhiều màu sắc trong cuộc sống.

Nghे tiếng chân *liều liệu* đến tìm hương
(*Hoa đêm*)

Liều liệu, giảm nghĩa so với *liệu* song giá trị biểu cảm của từ láy này lại tăng lên rõ rệt. Phải nói rằng Xuân Diệu rất biết cách tạo từ và dùng từ sao cho biểu đạt được ý đồ của mình trong giao tiếp. Đặt từ láy *liều liệu*

trong câu thơ và trong toàn bài thơ mới thấy hết được giá trị diễn tả của tác giả, thấy được cái động thái *liều liệu* của *chàng gió* đi tìm *hương*. “Từ không gian nhìn thấy (màu sắc, đường nét), ông chuyển sang không gian nghe thấy, cảm thấy (âm thanh, mùi vị); Từ không gian vườn kết hợp với trăng thành một không gian ghép: vườn – trăng ... Nhờ sự kết hợp này, những khu vườn đêm của Xuân Diệu trở nên lung linh mờ ảo sức nức hương thơm.” [13; 41]

3.3. Từ láy âm hoàn toàn là tính từ

Từ láy hoàn toàn là tính từ có số lượng và tần số xuất hiện cao hơn cả. Những từ láy âm hoàn toàn được tác giả sử dụng như: *ấm ấm, man mát, ngoan ngoãn, hây hây, ngọt ngào, ...*

Trong số này, hầu hết là các tính từ chỉ trạng thái, tính chất, như: *sâu sâu, rờn rợn, ngất ngây, hiu hiu, ...*

Bằng mây *nhẹ nhẹ* gió *hiu hiu*

Xét thuần ngữ nghĩa, thì rõ ràng *nhẹ nhẹ, hiu hiu* khác với *nhẹ* và *hiu*, nghĩa giảm so với yếu tố gốc nhưng chính cách dùng ấy lại tăng tính chất gợi tả, khiến người đọc cảm nhận được hình ảnh trôi nhẹ nhàng của áng mây, của từng cơn gió hất hiu trong buổi chiều tà.

Đa số các từ láy âm tính từ cũng đều điệp toàn bộ âm tiết. Tuy bên cạnh cũng có một số từ biến thanh, biến vần được tác giả dùng dưới dạng các biến thể (đảo trật tự). Chẳng hạn:

Ngây ngất - ngất ngây: Rộn tuổi trẻ dưới ánh đèn *ngây ngất* (*Đêm thứ nhất*)

Dấu hương vương vấn từng hồi *ngất ngây* (*Dấu nằm*)

Khát khao - khao khát: Một thoáng cười yêu thỏa *khát khao* (*Vì sao*)

Tôi cần tin! Tôi *khao khát* được nhằm (*Mời yêu*)

Ngào ngạt - ngạt ngào: Bỗng đêm *ngào ngạt* qua khung cửa

Như sóng *ngạt ngào* từng đợt một (*Hoa nở sớm*)

Cái hương vị của cuộc sống, tình yêu, tuổi trẻ với Xuân Diệu luôn luôn là một sự hấp dẫn đến lạ lùng. Mùi hương ấy *ngào ngạt* rồi *ngạt ngào* khiến tác giả *ngây ngất* rồi *ngất ngây* mà vẫn chưa thỏa *khát khao* để rồi phải *khao khát* nữa, thêm muốn cái cuộc sống muôn màu ấy bởi sự sống không bao giờ là hữu hạn.

Vốn từ loại tính từ là những từ chỉ màu sắc, tính chất, trạng thái của sự vật, sự việc nhưng vào thơ Xuân Diệu, chúng không còn đơn thuần, chúng diễn tả những cảm giác mà chỉ Xuân Diệu mới có, mới đưa đến được cho người đọc đến vậy.

Sồn sồn đôi ta chỗ đâu đây (*Áo em*)

Nghe xôn xao *ròn rợn* đến hay hay ...

Ấy là thư hồi hộp đón trong tay (*Xuân không mùa*)

Nét thêm *rờ rờ* như tơ chín

Dáng vẫn thanh thanh tựa nước hiền. (*Mặt em*)

Hay khi viết về những cô gái son trẻ, ông dùng:

Những cô *hây hây* còn đôi tám (*Ngẩn ngơ*)

Hây hây, miêu tả gió thoảng qua từng đợt ngắn nhẹ, còn *hây hây* mới là chỉ màu da đỏ dần, tươi tắn, nó phù hợp với việc miêu tả ở câu thơ hơn, nhưng Xuân Diệu lại dùng *hây hây* chứ không phải là *hây hây* như cách miêu tả thông thường.

Hãy quan sát từ *hây hây* trong câu thơ của thi sĩ họ Hồ sau:

Mùa hè *hây hây* gió nồm đông (*Hồ Xuân Hương*)

Ta thường nghe gió *hây hây*, mà ít nghe về cái vẻ *hây hây* của cô gái trẻ. Đó chính là nghệ thuật dùng từ của Xuân Diệu.

Qua những điều đã nêu ở trên, có thể thấy từ láy âm hoàn toàn tính từ trong thơ tình Xuân Diệu có giá trị rất riêng. Nó đã tác động mạnh vào cảm xúc của người đọc.

3.4. Từ láy âm hoàn toàn là phụ từ

Tiểu loại này trong tập thơ tình của Xuân Diệu có số lượng ít hơn loại là động từ và tính từ. Qua khảo sát, chỉ nhận diện được 5 trường hợp là phụ từ với 9 lần xuất hiện, đó là: *mãi mãi*, *dài dài*, *lắm lắm*, *luôn luôn*, *dần dần*. Chẳng hạn:

Chao ôi *mãi mãi* mất, tìm;

Gặp rồi, sung sướng ta đem nhau về. (*Hôn*)

Mắt em khép *dài dài*

Dưới trán em lòng lộng. (*Anh thương em khi ngủ*)

Mãi mãi, *dài dài*, *lắm lắm*, ... đều có nghĩa tăng so với tiếng gốc. Sử dụng những từ láy âm phụ từ theo chiều tăng dần, kéo dài mãi, dường như Xuân Diệu muốn níu kéo thời gian, níu kéo sự sống, để ông được tận hưởng những phút giây hạnh phúc đến độ *no nê*, *đã đầy* bữa tiệc trần gian ngập tràn ánh sáng. Đó chính là lí do vì sao ở loại láy âm tính từ, tác giả dùng loại láy hoàn toàn theo chiều hướng giảm, còn ở loại láy âm phụ từ, tác giả lại sử dụng loại có mức độ tăng.

4. Từ láy điệp âm

So với kiểu loại đã xét thì *từ láy điệp âm* trong tập thơ có số lượng và tần số xuất hiện lớn hơn cả. *Từ láy điệp âm* xuất hiện trong tác phẩm chủ yếu là loại động từ và tính từ. Loại điệp âm là danh từ và phụ từ không đáng kể. Sau đây sẽ đi vào từng loại cụ thể.

4.1. Từ láy điệp âm động từ

Từ điệp âm động từ được tác giả sử dụng trong tác phẩm như: *an ủi*, *ấp ủ*, *giữ gìn*, *âu yếm*, *đung đưa*, *ngỡ ngời*, *lo lắng*, *nói năng*, *say sưa*, ...

Xuân Diệu dùng loại này để miêu tả hoạt động, trạng thái tâm lí của sự vật, sự việc

trong đời sống. Chẳng hạn: Cây cao lá thắm
đựng đưa nhánh. (*Chiều đầu thu*)

Con gió xinh thì thào trong gió biếc,
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi? *Vội vàng*)

Hay: Hãy tuôn âu yếm lừa mơn trớn,
Sống mất, lời môi, nhiều - thật nhiều!
(*Vô biên*)

Có những câu thơ, Xuân Diệu đã sử dụng
lặp lại hai lần một từ láy điệp âm động từ, để
khắc họa rõ hơn sự chuyển động của sự vật,
hiện tượng, diễn tả một cách sinh động trạng
thái sự vật, hiện tượng.

Những luồng *run rẩy rung rinh* lá. (*Đây
mùa thu tới*)

Quả là ngôn ngữ thơ là một địa hạt đầy
sáng tạo. Phải nói rằng đây là câu thơ tiêu
biểu cho phong cách ngôn ngữ thơ Xuân
Diệu. Mỗi chữ, mỗi câu đều hướng tới một
tầm cao của cảm xúc. Đây chính là lối thể
hiện cô đọng, hàm súc trong thơ. Bốn phụ
âm *r* đầy luyến láy, lối diễn tả dấu chữ, dấu
từ thật độc đáo của Xuân Diệu. Tác giả
không nói gió mà khiến người ta thấy gió,
không nói cành mà khiến người ta biết rõ
cành. Chưa biết cái gì làm *run rẩy, rung rinh*
mà người đọc đã nghe thấy cái lạnh lẽo, âm
đậm của mùa thu miền Bắc, lại hình dung,
liên tưởng cái lo sợ cuống quýt của thi nhân,
trước sự ra đi của tuổi xuân. Câu thơ đã tạo
nên một trường liên tưởng đầy ấn tượng. Bởi
trước cảnh vật của mùa thu tràn về, tâm hồn
nhà thơ đang chất chứa bao cảm xúc, nỗi
niềm.

Khát khao được *sống toàn tâm, sống toàn
trí, sống toàn hồn* để gửi gắm những yêu
đương, để chạy đua cùng thời gian để rồi
say, say sưa trong cuộc sống trần thế đầy
ngọt ngào. Vì thế mà từ láy âm động từ *say
sưa*, được Xuân Diệu nhắc lại nhiều lần
trong tác phẩm.

Dầm chân trong nước đứng *say sưa* (*Vì
sao*)

Muốn *say sưa* phải đem sẵn rượu nồng
(*Chỉ ở lòng ta*)

Trời ơi ôm lấy *say sưa* (*Hôn*)
Trong *say sưa* anh sẽ bảo em rằng
Gần thêm nữa thế hãy còn xa lắm. (*Xa
cách*)

Tình yêu là *vô biên, tuyệt đỉnh*. Yêu để
sống. Sống để yêu. Hai thứ ấy đã cuốn hút
hoàn toàn tác giả. Ông *say sưa* cảnh sắc
thiên nhiên, con người theo kiểu “Say người
như rượu tới tận hôn”. Chính cách lặp lại
nhiều lần từ điệp âm động từ *say sưa* Xuân
Diệu đã bộc lộ nỗi lòng, đã trải lòng mình ra
mời mọc bạn chia nhau, để quên đi những
cô đơn và khoảng cách, những mất mát và
khổ đau, để cởi mở tâm tình của mình đang
nặng chất chứa.

Với những từ láy điệp âm động từ, Xuân
Diệu đã tạo nên những hình ảnh, những
trạng thái rất riêng của sự vật, hiện tượng.
Những cung bậc cảm xúc của những người
trẻ tuổi và nhất là *những người trẻ lòng* đều
được ông khắc họa với những nét rất khác
biệt mà đầy đủ, nhờ vào những luyến láy của
từ điệp âm động từ trong tác phẩm.

4.2. Từ láy điệp âm tính từ

Từ láy điệp âm tính từ cũng mang trong
mình những thuộc tính cơ bản của tính từ.
Đó là loại từ chỉ tính chất, màu sắc, kích
thước của sự vật, hiện tượng. Nắm được
những thuộc tính này, nhà thơ Xuân Diệu đã
vận dụng và sử dụng triệt để loại từ láy này
trong tác phẩm của mình.

Đó là những từ: *chénh choáng, gần gũi,
gay gắt, sung sướng, vờ vẩn, may mắn, no
nê, ...* Đặc biệt có những từ điệp âm tính từ
được tác giả sử dụng lại nhiều lần, chẳng
hạn: *tha thiết, lóng lánh ...*

Yêu *tha thiết* thế vẫn còn chưa đủ (*Phải
nói*)

Ôi những lá sương ôm *lóng lánh* (*Tình
yêu san sẻ*)

Xưa Nguyễn Khuyến đã viết: Làn ao *lóng lánh* bóng trăng loe.

(Nguyễn Khuyến – *Thu điếu*)

Cái *lóng lánh* trong thơ Nguyễn Khuyến là nhờ có bóng trăng phản chiếu, còn cái *lóng lánh* trong thơ Xuân Diệu, chưa biết là do ánh trăng đêm hay do mặt trời phản chiếu vào buổi ban mai, bởi chủ từ đã được tác giả giấu đi, chỉ là sương ôm lá mà ngời lên một vẻ đẹp sinh động, huyền ảo đến lạ kì nhờ vào cái *lóng lánh* ấy.

Có từ điệp âm *vội vàng*, được tác giả dùng đi dùng lại thật nhiều lần:

Vội vàng chi trắng sáng quá khách ơi!
(*Lời kĩ nữ*)

Mau với chứ, *vội vàng* lên với chứ. (*Giục già*)

Tôi sung sướng nhưng *vội vàng* một nửa.
(*Vội vàng*)

Anh thấy ai ai cũng *vội vàng* (*Đứng chờ em*)

Là người luôn sợ sự cô đơn, sợ khoảng cách nên Xuân Diệu phải *vội vàng*, *giục già*, *vội vã* trước thời gian. Thời gian đi có bao giờ trở lại, thời gian qua đi đồng nghĩa với mùa xuân và tuổi trẻ qua đi. Cái *phần ngon nhất* của cuộc đời sẽ bị rút ngắn. Mùa xuân héo úa, tuổi trẻ phôi phai. Bởi vậy, giữa cái non tơ, mơn mớn đến độ *say sưa*, *chénh choáng*, muốn được hưởng thụ cho *no nê* cho *đã đầy*, ông lại thấy sự hấp hối lụi tàn. Nếu ca dao xưa khuyên con người không nên *vội vã*:

Đi đâu mà *vội* mà *vàng*

Mà vấp phải đá mà quàng phải dây. (*Ca dao*)

Thì Xuân Diệu lại chủ trương sống *vội vàng*, *gấp gáp*, bởi cuộc sống là không chờ đợi. Cái năng lực cảm nhận thời gian của thi sĩ Xuân Diệu đã được nhận xét: “Trong các nhà thơ hiện đại, Xuân Diệu là người có năng lực cảm nhận tinh tế trước bước đi của thời gian. Có lẽ cũng do lòng yêu tuổi trẻ,

muốn ngăn sự già nua tàn tạ, nên nhà thơ luôn cảnh giác với thời gian và kịp thời báo động chính mình.” [13; 376]. Ngoài ra, có một số từ láy âm mà có lẽ chỉ xuất hiện trong thơ Xuân Diệu, chỉ Xuân Diệu mới vận dụng và sử dụng chúng thuần thực đến thế. Hãy đọc các câu thơ sau của tác giả:

Gió **rê rĩ** như lời ai thuở trước. (*Tình mai sau*)

Nét thêm **sờ sờ** như tơ chín (*Mặt em*)

Dem lòng tôi **ràng rịt** với Xuân tươi.
(*Đa tình*)

Một đường cái **rộng rẽ** tuôn ra. (*Một ngã ba*)

5. Kết luận

Có thể thấy trong toàn bộ tập thơ tình, Xuân Diệu đã sử dụng một số lượng từ láy không nhỏ và rất đa dạng về kiểu loại để miêu tả cảnh sắc thiên nhiên, tình yêu con người, tình yêu cuộc sống. Tuy nhiên, loại được ông ưa dùng là những *từ láy đôi* thuộc *kiểu loại động từ* và *tính từ*. Những từ láy được sử dụng trong thơ Xuân Diệu, mang đậm phong cách ngôn ngữ của ông, giúp thiên nhiên, cảnh sắc trở nên có đường nét, hình khối, âm thanh náo động cõi đời.

Từ con đường tình yêu: Con đường *nhỏ nhỏ* gió *xiêu xiêu*

Lả lả cành hoang nắng trở chiều. (*Thơ duyên*)

Đến những giọt sương: *Nôn nà* sương ngọc quanh thêm đậu (*Thu*)

Bước vào thế giới tình yêu, thơ Xuân Diệu tràn đầy những cung bậc cảm xúc của những kẻ *tương tư*, *tơ tưởng* nhau. Có cái *rạo rục* của thờ ban đầu *lưu luyến*, có cái thất vọng, đắng cay của tình yêu không được đáp trả. Hàng loạt *từ láy* mô tả những trạng thái này, được tác giả dùng hết sức linh hoạt trong tác phẩm.

Tình yêu và tuổi trẻ, hạnh phúc và khát khao, cô đơn và xa cách, lòng yêu cuộc sống, yêu thiên nhiên của Xuân Diệu, đã

được những từ láy trùng lặp nhưng lại thể hiện những ý nghĩa phong phú, khác nhau trong tác phẩm, gửi tới người đọc, người nghe, như chính lời nhà thơ trong *Lời đưa duyên* giới thiệu tập *Thơ thơ*, đã bày tỏ: “Đây là lòng tôi đương thời sôi nổi, đây là hồn tôi vừa lúc vang ngân và đây là tuổi xuân của tôi, và đây là sự sống của tôi nữa ... tập thơ đầu tay của tôi đây, bạn nhớ bắt trước những người khôn ngoan, họ không biết quý phần ngon nhất của đời: tình yêu và tuổi trẻ ... Tôi gửi hồn tôi cho những người trẻ tuổi và nhất là những người trẻ lòng!” [15; 130].

Tài liệu tham khảo

1. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NX Giáo dục.
2. Nguyễn Tài Cẩn (1996), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Hoài Thanh - Hoài Chân (2006), *Thi nhân Việt Nam*, NXB Thanh Hóa.
4. Đỗ Hữu Châu (1996), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Nguyễn Đức Dân (1997), *Tiếng Việt*, NXB Giáo dục.
6. Nguyễn Công Đức (1994), *Về kết cấu song tiết láy âm tiếng Việt*, Ngôn ngữ (4).
7. Hà Minh Đức (2007), *Xuân Diệu - Ông hoàng của thơ tình yêu*, NXB. Giáo dục.
8. Nguyễn Thiện Giáp (1978): *Từ vựng học tiếng Việt*, NXB. Đại học Tổng hợp Hà Nội.
9. Bích Hà (2006), *Xuân Diệu một cái tôi khao khát nồng nàn*, NXB. Hội Nhà văn.
10. Nguyễn Thị Thanh Hà (2002), *Hiện tượng láy với việc tạo tiếng nhạc trong thơ*, Ngôn ngữ (4).
11. Hoàng Văn Hành (1985), *Từ láy trong tiếng Việt*, NXB. Khoa học Xã hội.

12. Phi Tuyết Hinh (1983), *Từ láy và sự biểu trưng ngữ âm*, Ngôn ngữ (3).

13. Tôn Thảo Miên (2002), *Thơ thơ và Gửi hương cho gió*, Tác phẩm và dư luận, NXB. Văn học.

14. Hà Quang Năng (2003), *Dạy và học từ láy ở trường phổ thông*, NXB. Giáo dục.

15. Nguyễn Đình Chú - Trần Hữu Tá (2000), *Văn học 11* (Tập 1 - Phần Văn học Việt Nam), NXB. Giáo dục.

16. Lưu Khánh Thơ (1999), *Xuân Diệu về tác gia và tác phẩm*, NXB. Giáo dục.

17. Nguyễn Quốc Túy (1998), *Xuân Diệu thơ và đời*, NXB. Văn học.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 17-10-2011)

Thể lệ gửi bài đăng trên tạp chí NN & ĐS

1. Bài viết tối đa khoảng 4000 chữ, in trên giấy khổ A4 một mặt, phông chữ **Times New Roman, cỡ chữ 12**, gửi qua email: ngonngudoisong@yahoo.com.vn.

2. Là bài mới, không gửi đồng thời những nơi khác.

3. Nếu là bài nghiên cứu, phải theo quy định cách trình bày một công trình khoa học của Bộ Giáo dục - Đào tạo (như **Tên bài và tóm tắt nội dung được dịch sang tiếng Anh; Có phần lịch sử vấn đề; Có tài liệu tham khảo...**).

4. Trong bài, nếu có chữ nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật...) đề nghị in nguyên dạng.

5. Ghi rõ nơi công tác, địa chỉ cơ quan và số điện thoại, email, số tài khoản cá nhân để tiện liên hệ.

6. Bài không được đăng, Tòa soạn không gửi lại bản thảo.

7. Nếu tác giả là người sống ở Hà Nội, xin liên hệ trực tiếp với Tòa soạn để trao đổi về bài vở.

NN & ĐS